



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GIÁ TÍNH LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ Ô TÔ, XE MÁY

(Kèm theo Quyết định số 3602/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

BẢNG 2: Ô TÔ PICK UP, Ô TÔ TẢI VAN

Phần 2b. Ô tô pick up, ô tô tải Van sản xuất, lắp ráp trong nước

STT	Nhãn hiệu	Kiểu loại xe [Tên thương mại (Mã kiểu loại)/ Tên thương mại/ số loại]	Thể tích làm việc	Số người cho phép chở (kể cả lái xe)	Giá tính LPTB (VNĐ)
1	CHEVROLET	SPARK VAN	0,8	2	259.000.000
2	CHEVROLET	SPARK VAN 1.2L	1,2	2	275.000.000
3	CHEVROLET	SPARK VAN 1.2L-1	1,2	2	296.000.000
4	DONGBEN	DB1022	1	2	168.000.000
5	DONGBEN	DBX30-V2	1,3	2	228.000.000
6	DONGBEN	DBX30-V2L	1,5	2	258.500.000
7	DONGBEN	DBX30-V2S	1,5	2	232.000.000
8	DONGBEN	DBX30-V5	1,3	5	272.000.000
9	DONGBEN	DBX30-V5L	1,5	5	277.000.000
10	DONGBEN	DBX30-V5M	1,5	5	269.000.000
11	DONGBEN	DBX30-V5S	1,5	5	266.000.000
12	FORD	FCCY-HFFA	2,4	6	826.000.000
13	FORD	RANGER 2AW	2,5	5	470.000.000
14	FORD	RANGER 2AW8F22	2,5	5	684.000.000
15	FORD	RANGER KDBCG20JAXEL1	2,2	5	628.000.000
16	FORD	RANGER KDBCH2QJAXKL1	2,2	5	642.000.000
17	FORD	RANGER KDBCH2QJC3KL1	2,2	5	662.000.000
18	FORD	RANGER KDBCN2 YMEUEL1	2	5	811.000.000
19	FORD	RANGER KDBCR2YNEUEL1	2	5	937.000.000
20	FORD	RANGER TRABCG2P0GPCXEL1	2	5	669.000.000
21	FORD	RANGER TRABCH2P0C3CXEL1	2	5	776.000.000
22	FORD	RANGER TRABCH2P0C3CXKL1	2	5	707.000.000
23	FORD	RANGER TRABCH2P0GPCXKL1	2	5	665.000.000

24	FORD	RANGER TRABCN2P0C3CXEL1	2	5	830.000.000
25	FORD	RANGER TRABCR2YNEUCXEL1	2	5	979.000.000
26	FORD	RANGER UV7B	2,5	5	400.000.000
27	FORD	RANGER UV7C	2,5	5	510.000.000
28	FORD	TRANSIT	2,4	6	600.000.000
29	FORD	TRANSIT FAC6 PHFA	2,4	3	727.000.000
30	FORD	TRANSIT FAC6-SWFA	2,4	3	600.000.000
31	FORD	TRANSIT FCA6 PHFA9S	2,4	9	635.000.000
32	FORD	TRANSIT FCA6- SWFA9S	2,4	9	635.000.000
33	FORD	TRANSIT FCCY-HFFA	2,4	6	600.000.000
34	FORD	TRANSIT FCCY-HFFA	2	3	596.000.000
35	FORD	TRANSIT JX6581T-M4- ST4/CKGT.VAN3	2,4	3	760.000.000
36	FORD	TRANSIT JX6581T-M4- ST4/CKGT.VAN3-2	2,4	3	760.000.000
37	FORD	TRANSIT JX6581T-M4- ST4/CKGT.VAN6	2,4	6	826.000.000
38	FORD	TRANSIT JX6582T-M3	2,4	3	839.000.000
39	FORD	TRANSIT JX6582T- M3/CK327-VAN6	2,4	6	802.000.000
40	FORD	TRANSIT JX6582T- M3/CKGT.VAN6	2,4	6	1.251.000.000
41	FOTON	GRATOUR-TV22	1,5	2	238.100.000
42	ISUZU	D-MAX LS 4X2 AT-C	2,5	5	700.000.000
43	ISUZU	D-MAX LS 4X2 AT-C1	2,5	5	730.000.000
44	ISUZU	D-MAX LS 4X2 AT-T	2,5	5	700.000.000
45	ISUZU	D-MAX LS 4X2 AT-T1	2,5	5	730.000.000
46	ISUZU	D-MAX LS 4X2 MT-C	2,5	5	660.000.000
47	ISUZU	D-MAX LS 4X2 MT-T	2,5	5	660.000.000
48	ISUZU	D-MAX LS 4X4 AT-C	2,5	5	750.000.000
49	ISUZU	D-MAX LS 4X4 AT-C1	2,5	5	780.000.000
50	ISUZU	D-MAX LS 4X4 AT-T	2,5	5	750.000.000
51	ISUZU	D-MAX LS 4X4 AT-T1	2,5	5	780.000.000
52	ISUZU	D-MAX LS 4X4 MT-C	2,5	5	710.000.000
53	ISUZU	D-MAX LS 4X4 MT-T	2,5	5	710.000.000
54	ISUZU	D-MAX TFR85H MT-LS	3	5	650.000.000
55	ISUZU	D-MAX TFS85H	3	5	536.000.000
56	JRD	DAILY PICKUP	2,8	5	186.000.000
57	JRD	DAILY PICKUP.A	2,8	5	186.000.000
58	KENBO	KB0.495/TV3	1,3	5	221.100.000
59	KENBO	KB0.65/TV2	1,3	5	227.000.000
60	KENBO	KB0.68/TV6	1,3	5	233.000.000

61	KENBO	KB0.945/TV4	1,3	2	193.600.000
62	KENBO	KB0.95/TV1	1,3	2	189.000.000
63	KENBO	KB0.95/TV1	2,2	2	195.000.000
64	MAZDA	BT-50	2,2	5	640.000.000
65	MAZDA	BT-50 4WD-M	2,2	5	651.100.000
66	MERCEDES-BENZ	MB140D	2,9	6	550.000.000
67	MERCEDES-BENZ	SPRINTER	2,2	6	596.000.000
68	MERCEDES-BENZ	SPRINTER 311CDI	2,2	6	596.000.000
69	MERCEDES-BENZ	SPRINTER 313CDI	2,2	9	802.000.000
70	MERCEDES-BENZ	SPRINTER PANEL VAN 311 CDI	2,2	3	596.000.000
71	PEUGEOT	TRAVELLER L3 20D AT/R-VAN	2	4	2.249.000.000
72	PMC PREMIO II	DD1022 4X4	2,5	5	176.800.000
73	SRM	868	1,6	2	320.000.000
74	SRM	X30-V2	1,5	2	248.000.000
75	SRM	X30-V5	1,5	2	280.300.000
76	SUZUKI	BLINDVAN	1	2	308.000.000
77	SUZUKI	SK410BV	1	2	253.900.000
78	SUZUKI	SK410BV4	1	2	294.400.000
79	SUZUKI	SK410BV4/CMN-VAN 495	1	2	263.000.000
80	SUZUKI	SK410BV4/DVI-HS1	1	2	293.000.000
81	SUZUKI	SK410BV4/HP-TV495	1	2	293.000.000
82	SUZUKI	SK410BV4/QTH-TV	1	2	290.000.000
83	SUZUKI	SK410BV4/SGCD-V	1	2	290.000.000
84	SUZUKI	SK410BV4/SGS-VAN	1	2	308.000.000
85	SYM	V5-SC3-A2	1,5	5	224.000.000
86	TERACO	TERA-V	1,5	2	286.700.000
87	THACO	FRONTIER TF420V 2S TV22A27R107	1,5	2	284.700.000
88	THACO	FRONTIER TF450V 2S TV24A30R122	1,6	2	306.900.000
89	THACO	FRONTIER TF450V 5S TV25A30R122	1,6	5	356.100.000
90	THACO	FRONTIER TF480V 2S TV25A32R122	1,6	2	334.100.000
91	THACO	FRONTIER TF480V 5S TV25B32R122	1,6	5	385.000.000
92	THACO	TOWNER VAN-2S TV21A28R095	1,4	2	269.000.000
93	THACO	TOWNER VAN-2S TV21B28R095	1,4	2	269.000.000
94	THACO	TOWNER VAN-5S TV22A28R095	1,4	5	315.000.000
95	THACO	TOWNER VAN-5S TV22B28R095	1,4	5	325.000.000
96	TMT	C35-2N	1,5	2	302.100.000

97	TMT	C35-5N	1,5	5	351.600.000
98	TMT	K05S-2N	1,2	2	229.100.000
99	TMT	K05S-5N	1,2	5	256.500.000
100	TOYOTA	HIACE	2,7	6	823.000.000
101	TOYOTA	HIACE	2,4	3	727.000.000
102	TOYOTA	HIACE	2,5	3	600.000.000
103	TOYOTA	HIACE	2,7	3	727.000.000
104	TOYOTA	HIACE KDH212L-JEMDYU	2,5	6	600.000.000
105	TOYOTA	HIACE RZH114L	2	3	596.000.000
106	TOYOTA	HIACE TRH213L-JDMNK	2,7	5	823.000.000
107	VINAXUKI	PICKUP650D	2,8	5	215.000.000
108	VINAXUKI	PICKUP650X	2,2	5	195.000.000
109	FORD	RANGER TRABCF7P0C3CXEL1	2	5	871.000.000
110	GAZ	GAZELLE NEXT A31R22.E5	2,8	3	637.400.000
111	SRM	868/V5	1,6	5	348.100.000
112	SRM	X30-V5	1,5	5	284.600.000
113	FORD	TOURNEO-JX6503PD-L5-AT-TRD/CKGT.VAN2	2	2	948.300.000
114	FORD	TRANSIT JX6581TA-M5/CK327-VAN3-CK	2,2	3	888.000.000
115	FORD	TRANSIT JX6581TA-M5/CK327-VAN6	2,2	6	882.700.000
116	FORD	TRANSIT JX6581TA-M5/CK327-VAN6-CK	2,2	6	871.700.000
117	GAZ	GAZELLE NEXT A31R32.E5	2,8	3	676.300.000
118	GAZ	GAZELLE NEXT A31R32.E5I	2,8	3	687.800.000
119	GAZ	GAZELLE NEXT A32R32.E5	2,8	6	797.900.000
120	GAZ	GAZELLE NEXT A65R32/CKGT.VAN6	2,8	6	700.300.000
121	GAZ	GAZELLE NEXT A65R32-40/CKGT.VAN6	2,8	6	672.900.000
122	GAZ	GAZELLE NEXT A65R52/CKGT.VAN3	2,8	3	820.000.000
123	GAZ	GAZELLE NEXT A65R52/CKGT.VAN6	2,8	6	845.200.000
124	GAZ	SOBOL NN A31S12.E5	2,8	3	540.000.000
125	SRM	X30I-V2	1,5	2	248.500.000
126	SRM	X30I-V5	1,5	5	282.000.000

127	THACO	FRONTIER TF420V 2S TV22A27R107-DL1	1,5	2	450.500.000
128	VINHPHAT	SANDEUR S-100	3	5	520.000.000
129	GAZ	GAZELLE NEXT A65R32.E5I/CMN-VAN	2,8	6	714.700.000
130	GAZ	SOBOL NN A32S12.E5	2,8	6	465.400.000
131	TERACO	TERA-V62S	1,5	2	309.800.000
132	TERACO	TERA-V65S	1,5	5	360.100.000
133	TERACO	TERA-V82S	1,6	2	333.000.000
134	TERACO	TERA-V85S	1,6	5	379.500.000
135	THACO	FRONTIER TF480V 2S TV25A32R122-DL1	1,6	2	517.800.000
136	VINHPHAT	SANDEUR S-100/VPM- TKCD	3,0	5	577.000.000

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ